

THỰC TRẠNG CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN TIÊU DÙNG THỂ THAO VÀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ THỂ DỤC THỂ THAO QUẦN CHÚNG TẠI VIỆT NAM

Ngô Trang Hưng*; Vũ Như Quỳnh**
Nguyễn Đình Chung**; Nguyễn Ngọc SỰ***

Tóm tắt:

Kết quả nghiên cứu đã cho thấy, động lực tiêu dùng dịch vụ TDTT chịu ảnh hưởng của động lực từ phía gia đình, liên kết nhóm hay cộng đồng. Nhu cầu tham gia tập luyện TDTT của người dân là rất lớn. Song các yếu tố ngoại cảnh, thực trạng cơ sở kinh doanh dịch vụ TDTT, công trình TDTT còn hạn chế và chưa tác động tích cực đến tiêu dùng dịch vụ TDTT.

Từ khóa: Thực trạng, yếu tố tác động, động lực, dịch vụ thể dục thể thao, nhu cầu xã hội.

Actual situation of factors affecting sport consumption and the development of mass physical training and sport services in Vietnam

Summary:

The research results have shown that the consumption motivation of physical training and sport services is influenced by motivation from family, group or community. The people's demand for participating in physical training and sports is huge. But the external factors, the reality of business establishments of physical training and sports services are limited and have not had a positive impact on the consumption of physical training and sports services.

Keywords: Actual situation, affecting factors, motivation, opinion, development, service, physical training and sport, mass, demand and society.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Dịch vụ TDTT quần chúng là loại hình dịch vụ nhằm đáp ứng việc duy trì và phục hồi sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần cho mỗi cá nhân, nâng cao trình độ nghề nghiệp... Phát triển dịch vụ TDTT quần chúng đáp ứng nhu cầu xã hội nhằm giải quyết vấn đề hiệu quả xã hội, tối đa hóa công suất công trình TDTT... góp phần chăm sóc sức khỏe, giáo dục thể chất, nâng cao hiệu quả dịch vụ cộng đồng, văn hóa - thể thao... Ngoài ra còn góp phần quan trọng nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, đặc biệt là đối với những người nghèo và các tầng lớp chịu thiệt thòi khác trong xã hội. Chính vì vậy, trong chiến lược phát triển TDTT Việt Nam đến năm 2020 và định hướng 2030, phát triển dịch vụ TDTT quần chúng là một trong những vấn đề được quan tâm, chú ý. Tuy nhiên, đến nay, việc phát triển dịch vụ TDTT quần chúng tại Việt Nam vẫn chưa đạt được như mong muốn.

Để có căn cứ khoa học chính xác cho việc xác định và đề xuất giải pháp phát triển dịch vụ TDTT quần chúng đáp ứng nhu cầu xã hội của Việt Nam, phân tích thấu đáo thực trạng và các

yếu tố tác động đến tiêu dùng thể thao và phát triển dịch vụ TDTT quần chúng là vấn đề cần thiết và cấp thiết.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp nghiên cứu chủ yếu: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn, tọa đàm; Phương pháp điều tra xã hội học; Phương pháp phân tích định lượng; Phương pháp toán học thống kê.

Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi đã tiến hành khảo sát thông qua các nguồn số liệu thứ cấp của Tổng cục TDTT, Tổng cục Thống kê. Về nguồn số liệu sơ cấp được thu thập thông qua phiếu phỏng vấn ở một số tỉnh thành như: Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Ninh và qua mạng tại địa chỉ <https://bit.do/eyskU>. Tổng cộng: 1.475 phiếu.

Trong phạm vi nghiên cứu đề tài, chúng tôi giới hạn nghiên cứu về người tiêu dùng thể thao là cá nhân sử dụng dịch vụ thể thao. Nhóm khách hàng này tham gia sử dụng, trải nghiệm trực tiếp các dịch vụ thể thao được tìm thấy ở các sân tập, phòng tập, bể bơi, nhà văn hóa, không gian công cộng... dưới dạng miễn phí - phải trả phí, hoặc theo theo động cơ sản xuất.

*PGS.TS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

**TS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

***ThS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

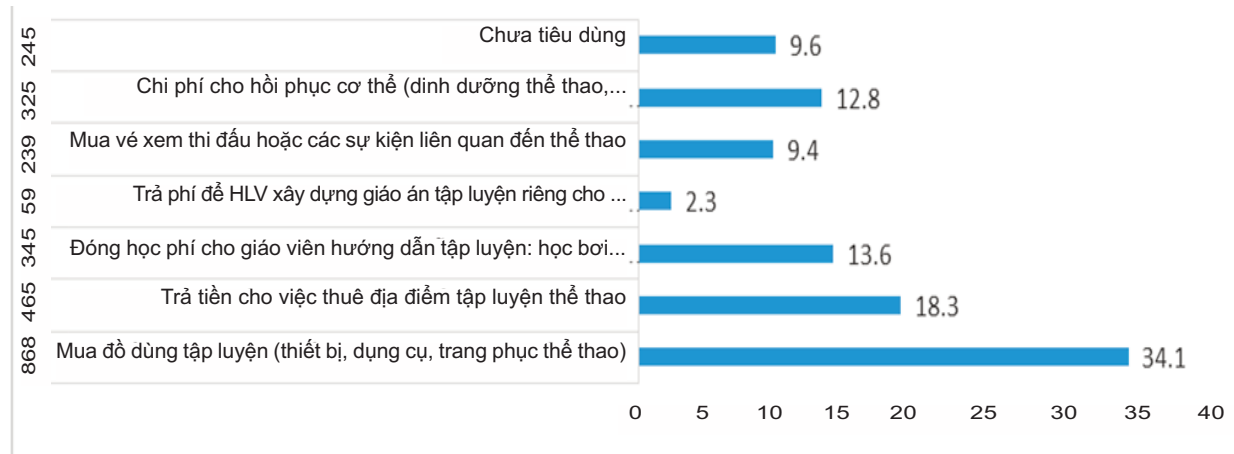
KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Yếu tố ngoại cảnh tác động lên việc tiêu dùng thể thao

Qua phân tích, tổng hợp tài liệu và phỏng vấn các chuyên gia đã xác định được các yếu tố ngoại cảnh tác động lên việc tiêu dùng thể thao của người dân gồm: Dịch vụ, hàng hóa tiêu dùng khi sử dụng dịch vụ TDTT; Tác động của các môn thể thao đến dịch vụ TDTT; Tác động của địa điểm tập luyện đến dịch vụ TDTT và tác động của thu nhập bình quân và chi phí cho dịch vụ TDTT. Cụ thể:

1.1. Chi phí tiêu dùng cho dịch vụ TDTT

Kết quả thống kê về các loại hình dịch vụ TDTT trình bày ở biểu đồ 1.



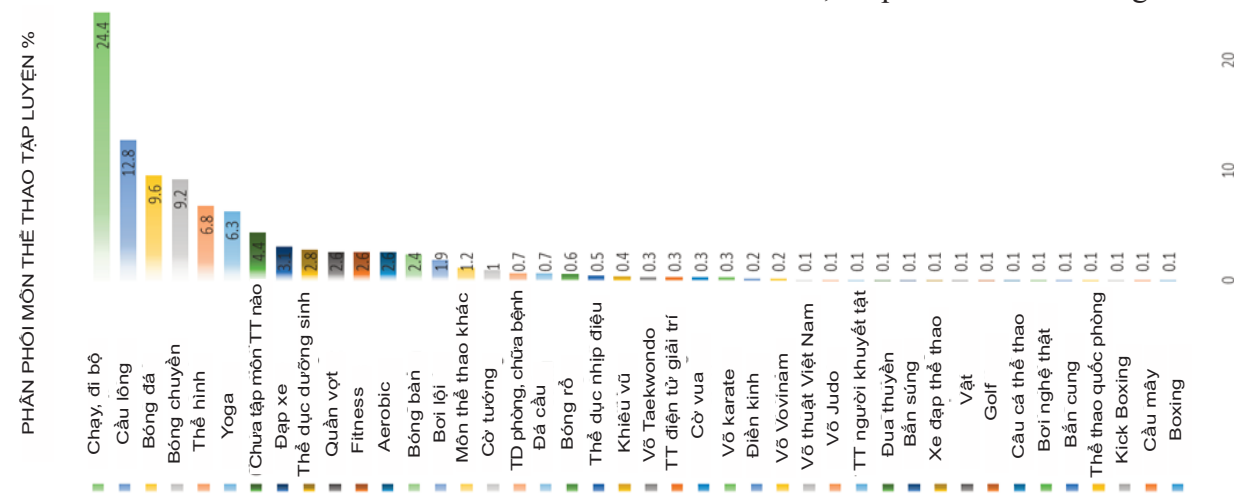
Biểu đồ 1. Kết quả phỏng vấn về chi phí tiêu dùng cho các loại hình dịch vụ TDTT

1.2. Tác động của môn thể thao đến dịch vụ TDTT

Kết quả thống kê tác động của các môn thể thao đến dịch vụ TDTT được trình bày ở biểu đồ 2.

Qua biểu đồ 1 cho thấy: Chi phí cho dịch vụ TDTT chủ yếu là mua đồ dùng tập luyện (34.1%), trả tiền thuê địa điểm tập luyện thể thao (18.3%) và chi phí hồi phục cơ thể (12.8%). Như vậy, trả phí cho các dịch vụ có người hướng dẫn còn rất hạn chế chỉ 2.3%, lớn hơn là cho các dịch vụ có giáo viên hướng dẫn như dạy bơi, võ thuật... chiếm 13.6%. Từ kết quả thu được cho thấy, dịch vụ TDTT vẫn còn chưa phát triển mạnh và mới chỉ ở mức thuần túy như thuê địa điểm, mua đồ dùng tập luyện. Đối với các dịch vụ ở cấp độ cao hơn như xem thi đấu, sự kiện thể thao và tập luyện thể thao có người hướng dẫn còn rất hạn chế.

Từ kết quả thu được ở biểu đồ 2 cho thấy: người dân tham gia tập luyện ở nhiều môn thể thao khác nhau, ở 41/67 môn được hỏi chiếm tỷ lệ 61.2%. Song cao nhất là nội dung chạy, Đi bộ chiếm 24.4%, tiếp đến là Cầu lông chiếm



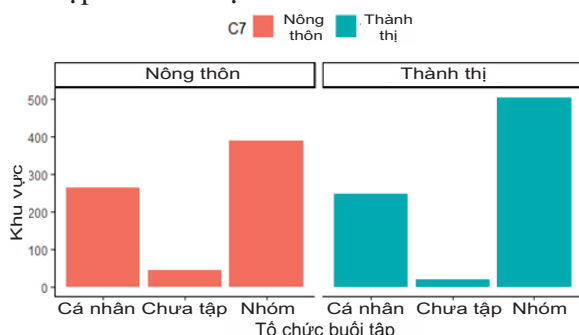
Biểu đồ 2. Phân phối số lượng người tham gia các môn thể thao

BÀI BÁO KHOA HỌC

12.8%, Bóng đá và Bóng chuyền chiếm từ 9.2 – 9.6%, tập Thể hình và Yoga chiếm từ 6.3 – 6.8%, nhóm từ 2 – 3% gồm các môn: Đạp xe, Thể dục dưỡng sinh, Quần vợt, Fitness, Aerobic, Bóng bàn, Bơi lội. Các môn còn lại chiếm tỷ lệ từ 0.1 – 1.2% và còn tỷ lệ lớn, đến 4.4% số người chưa tập môn thể thao nào.

Để phân tích mối quan hệ giữa môn thể thao với các phân nhóm dữ liệu liên quan, đề tài đã phân tích theo hình thức tổ chức buổi tập (cá nhân, nhóm, chưa tập) với nội dung liên quan như: Khu vực, địa điểm tập luyện... Cụ thể:

- Kết quả phân bố giữa hình thức tổ chức buổi tập với khu vực ở biểu đồ 3.

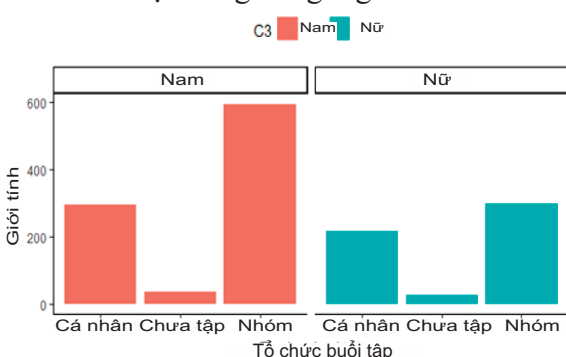


Biểu đồ 3. Phân phối giữa tổ chức buổi tập với khu vực

Từ kết quả thu được ở biểu đồ 3 cho thấy: Xu hướng tập luyện ở cả khu vực thành thị và nông thôn đều tổ chức buổi tập theo nhóm, khu vực thành thị cao hơn nông thôn. Tổ chức buổi tập theo cá nhân có sự tương đồng giữa hai khu vực và còn chiếm tỷ lệ lớn. Số người chưa tập ở khu vực nông thôn cao hơn thành thị.

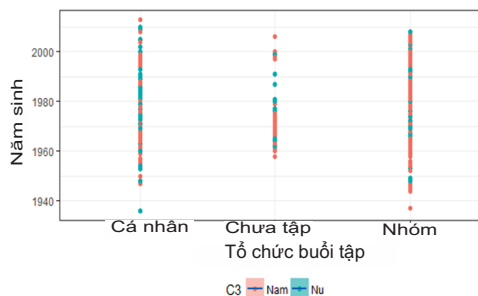
Kết quả phân bố giữa hình thức tổ chức buổi tập với giới tính ở biểu đồ 4.

Từ kết quả thu được ở biểu đồ 4 cho thấy: Xu hướng tập luyện theo nhóm ở giới tính nam cao hơn nữ, giữa tổ chức buổi tập theo nhóm và cá nhân có sự tương đồng ở giới tính nữ.



Biểu đồ 4. Phân phối giữa tổ chức buổi tập với giới tính

- Kết quả phân bố giữa hình thức tổ chức buổi tập với năm sinh, giới tính được trình bày ở biểu đồ 5.



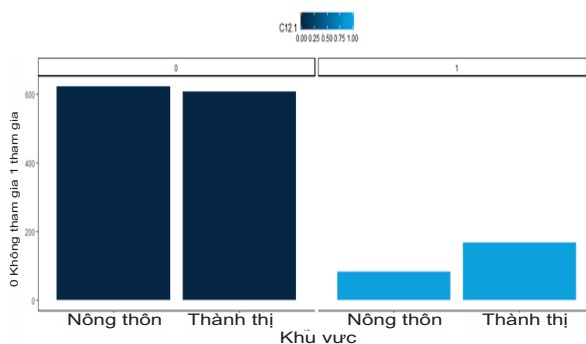
Biểu đồ 5. Phân phối giữa tổ chức buổi tập với năm sinh và giới tính

Kết quả thu được ở biểu đồ 5 thấy: Tổ chức tập luyện theo nhóm được phân bố khá đồng đều giữa các độ tuổi, tập luyện theo cá nhân phân phối không đồng đều. Với nhóm người chưa tập thì đa số là nam và ở độ tuổi từ năm 1960 – 1980.

Như vậy, các môn thể thao được người dân lựa chọn tập luyện dưới hình thức phải trả phí và miễn phí còn rất hạn chế, chỉ tập trung ở một vài môn thể thao có điều kiện công trình TDTT thuận lợi.

1.3. Tác động của địa điểm tập luyện đến dịch vụ TDTT

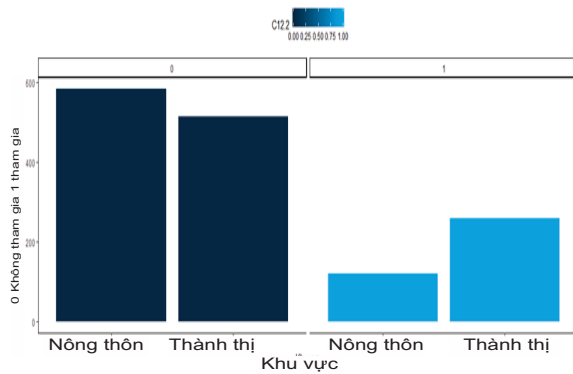
Kết quả phân bố giữa công trình TDTT theo khu vực ở biểu đồ 6 đến 9.



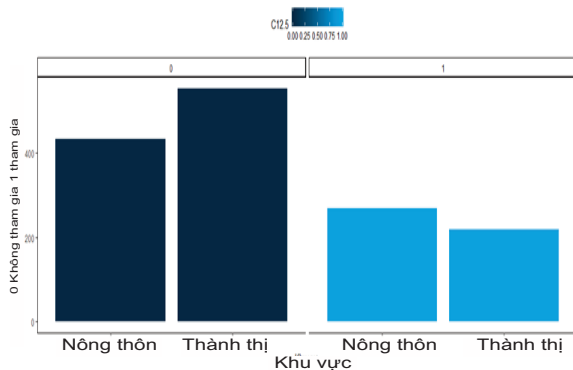
Biểu đồ 6. Phân phối giữa tập luyện ở công trình TDTT của doanh nghiệp theo khu vực

Kết quả thu được ở biểu đồ thấy: Phân phối người tham gia tập luyện ở công trình thể thao của doanh nghiệp và hộ kinh doanh còn thấp, ở khu vực thành thị cao hơn nông thôn, song ở chung cả khu vực thì vẫn còn thấp. Điều này chứng tỏ, dịch vụ TDTT phải trả phí ở cả 2 khu vực chưa có sự phát triển đồng đều.

Đối với dịch vụ TDTT miễn phí cho thấy có sự



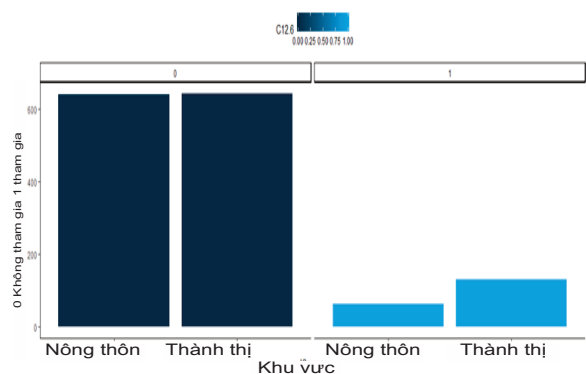
Biểu đồ 7. Phân phối giữa tập luyện ở công trình TDTT của hộ kinh doanh theo khu vực



Biểu đồ 8. Phân phối giữa tập luyện ở công trình TDTT của cấp xã theo khu vực

phân phối đồng đều ở các công trình thể thao của cấp xã xây dựng (nhà văn hóa, sân bóng đá...).

Đối với tập luyện của người dân ở không gian công cộng chính quy do chính quyền xây dựng (Công viên, khu sinh hoạt cộng đồng...) có dụng cụ, máy tập thể dục cho thấy có sự lựa chọn nhiều ở khu vực thành thị, khu vực nông thôn thấp hơn, song điều này có thể xuất phát từ sự thiếu hụt không gian công cộng dạng này.



Biểu đồ 9. Phân phối giữa tập luyện ở không gian công cộng theo khu vực

Kết quả phân bổ giữa hình thức tổ chức buổi tập với địa điểm thường xuyên tập luyện lớn nhất được trình bày ở biểu đồ 10.

Qua biểu đồ 10 cho thấy: Việc tổ chức tập luyện theo nhóm chiếm ưu thế ở các công trình TDTT ở các cơ quan, không gian công cộng và tư nhân, tổ chức buổi tập theo cá nhân còn thấp và chủ yếu là tập luyện tại nhà.

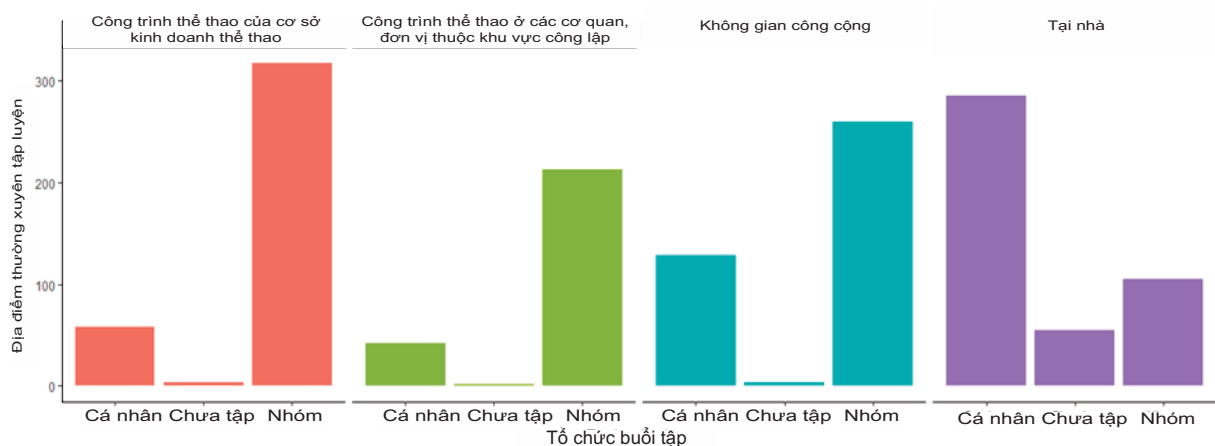
1.4. Tác động của thu nhập bình quân và chi phí cho dịch vụ TDTT

- Về thu nhập bình quân và mức chi tiêu được trình bày ở bảng 1.

Qua bảng 1 cho thấy: Chi phí giữa 2 khu vực cho dịch vụ TDTT có sự khác biệt rõ, ở khu vực ở nông thôn là 306,579đ thành thị trung bình hàng tháng là 601,418đ cao gấp 1.96 lần.

Về chi tiêu trung bình hàng tháng cho tiêu dùng dịch vụ TDTT được trình bày ở biểu đồ 11.

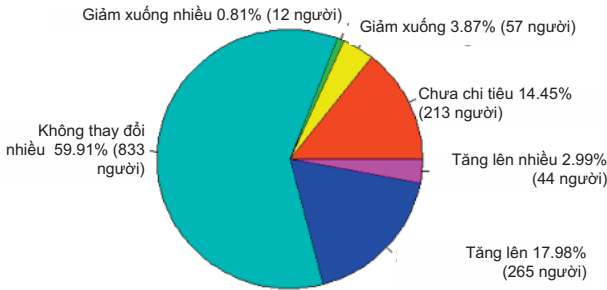
Qua biểu đồ 11 cho thấy: Xu hướng chủ đạo đối với mức độ chi tiêu trung bình hàng tháng cho tiêu dùng dịch vụ TDTT có xu hướng không thay đổi (59.91%) và tăng lên (17.98%).



Biểu đồ 10. Phân phối giữa tổ chức buổi tập với địa điểm thường xuyên tập luyện

Bảng 1. Thu nhập bình quân và mức chi tiêu

	Khu vực		So sánh giữa 2 khu vực
	Thành thị	Nông thôn	
Thu nhập bình quân hàng tháng (VNĐ)	8.602.778	5.887.302	1.46 lần
Chi phí cho dịch vụ TDTT hàng tháng (VNĐ)	601.418	306.579	1.96 lần



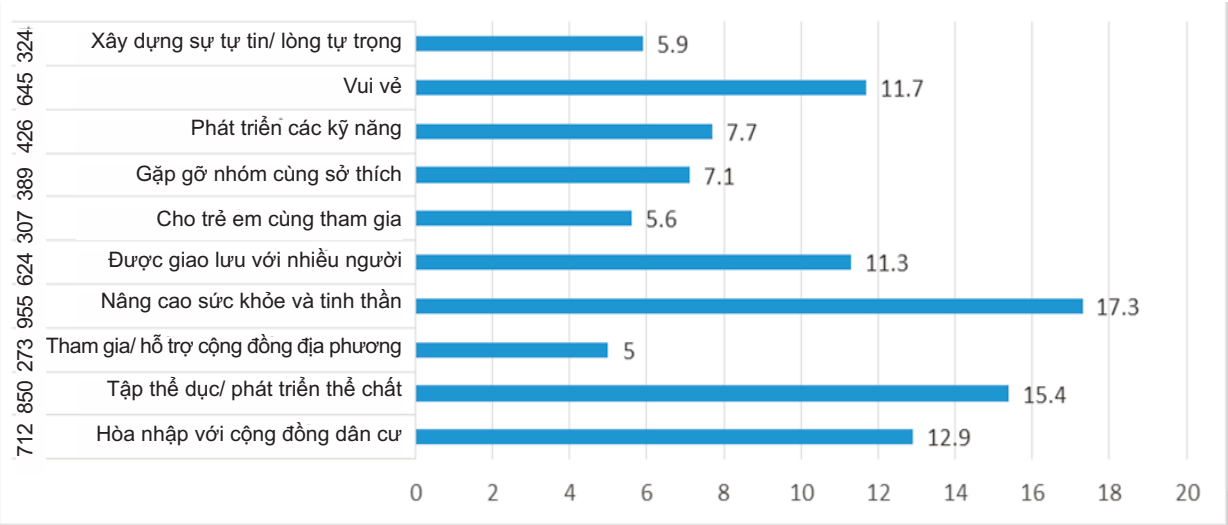
Biểu đồ 11. Chi tiêu trung bình hàng tháng cho tiêu dùng dịch vụ TDTT

2. Tác động từ động lực bản thân và

cộng đồng đến việc tham gia dịch vụ TDTT

Ngoài các tác động tâm lý, động lực bản thân thì động lực cộng đồng có vai trò hết sức quan trọng để khách hàng đến với dịch vụ thể thao. Để xác định những tác động này, đề tài đã tìm hiểu mục đích chủ yếu mà người dân yêu thích khi thường xuyên được tập luyện TDTT. Kết quả cụ thể được trình bày ở biểu đồ 12.

Qua biểu đồ 12 cho thấy: Các yếu tố tác động từ bản thân chiếm tỷ lệ lớn là nâng cao sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần (15.4 - 17.3%),



Biểu đồ 12. Tác động từ các yếu tố bản thân và cộng đồng đến dịch vụ TDTT

còn các yếu tố cộng đồng còn chiếm tỷ lệ thấp: gặp gỡ nhóm cùng sở thích (7.1%), được giao lưu với nhiều người (11.3%), hòa nhập với cộng đồng dân cư (12.9%), cho trẻ em cùng tham gia (5.6%). Từ kết quả này cho thấy, tương tác với gia đình, cộng đồng còn rất hạn chế, đi ngược với xu hướng của thể thao cộng đồng, marketing trong tiêu thụ dịch vụ TDTT. Vì động lực chính khiến một cá nhân tiêu dùng dịch vụ TDTT thì yếu tố đội, môn thi đấu... đôi khi không còn quan trọng nữa, vì mục đích chính họ đến đó là vì gia đình, bạn bè. Do vậy, cần thiết phải thúc đẩy các tác động từ cộng đồng để tạo nên sự kết

nối văn hóa nói chung và thể thao nói riêng.

3. Thực trạng cơ sở kinh doanh dịch vụ TDTT và công trình TDTT

Kết quả thống kê số lượng cơ sở và CLB thể thao của 42 tỉnh thành năm 2018.

Từ kết quả thu được cho thấy, cơ sở kinh doanh hoạt động TDTT chỉ phát triển mạnh ở khu vực thành thị, khi loại yếu tố này thì ở các tỉnh thành chủ yếu phát triển gắn liền với CLB thể thao tại khu dân cư (60.3%), loại hình CLB thể thao tại cơ quan đơn vị (25.7%) và Cơ sở kinh doanh hoạt động TDTT (14.0%).

Về số lượng công trình thể thao và so sánh

Bảng 2. Kết quả thống kê số lượng cơ sở và câu lạc bộ thể thao

	CLB thể thao tại khu dân cư	CLB thể thao tại cơ quan đơn vị	Cơ sở kinh doanh hoạt động TDTT
Số tỉnh thống kê	42	42	42
Năm 2018	30.804	12.928	43.226
Trong đó: TP. Hồ Chí Minh	2.242 (7.3%)	730 (5.7%)	36.613 (84.7%)
Tỷ lệ %	35.4	14.9	49.7
Không tính TP. Hồ Chí Minh	60.3	25.7	14

mức độ phát triển của 63 tỉnh thành.

Kết quả thu được cho thấy, số lượng công trình TDTT năm 2018 là 120.534 công trình TDTT các loại, so với năm 2009 thì đã tăng 2.67 lần, trong đó tăng mạnh nhất là công trình bể bơi với 3.932/609 tương ứng 6.46%, nhà thi đấu và tập luyện là 10.119/3.415 tăng 2.96 lần và lớn hơn mức tăng chung là 2.67 lần. Như vậy, về cơ bản các công trình sân tập không tăng mạnh bằng các công trình nhà tập và bể bơi. Từ kết quả này đã cho thấy các dịch vụ TDTT phải trả phí đến chủ yếu từ nhóm các công trình bể bơi và nhà tập. Tuy nhiên, tỷ lệ công trình TDTT dạng này còn chiếm tỷ lệ thấp. Xem xét cấu trúc các loại công trình TDTT năm 2018 của 63 tỉnh thành.

Kết quả thu được cho thấy, tỷ lệ công trình TDTT là sân tập chiếm tỷ lệ lớn với 83.9%, tỷ

lệ công trình là bể bơi và nhà tập luyện còn chiếm tỷ lệ nhỏ. Trong khi nhu cầu về công trình TDTT là bể bơi thường rất cao trong các dịp hè.

4. Những ảnh hưởng khách quan và mong muốn của người dân để dịch vụ TDTT quần chúng ngày càng đáp ứng nhu cầu xã hội

- Những ảnh hưởng khách quan có chi phối lớn đến việc tham gia các hoạt động thể dục thể thao của người dân.

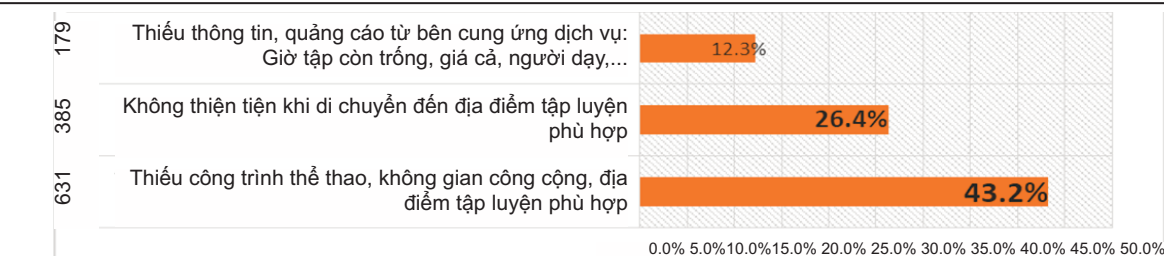
Qua biểu đồ 13 cho thấy: Nguyên nhân chính chủ yếu do thiếu công trình (43.2%) hoặc không thuận lợi di chuyển đến địa điểm tập luyện phù hợp (26.4%).

- Xác định những mong muốn của người dân được cho là cấp thiết để dịch vụ TDTT quần chúng ngày càng đáp ứng nhu cầu xã hội.

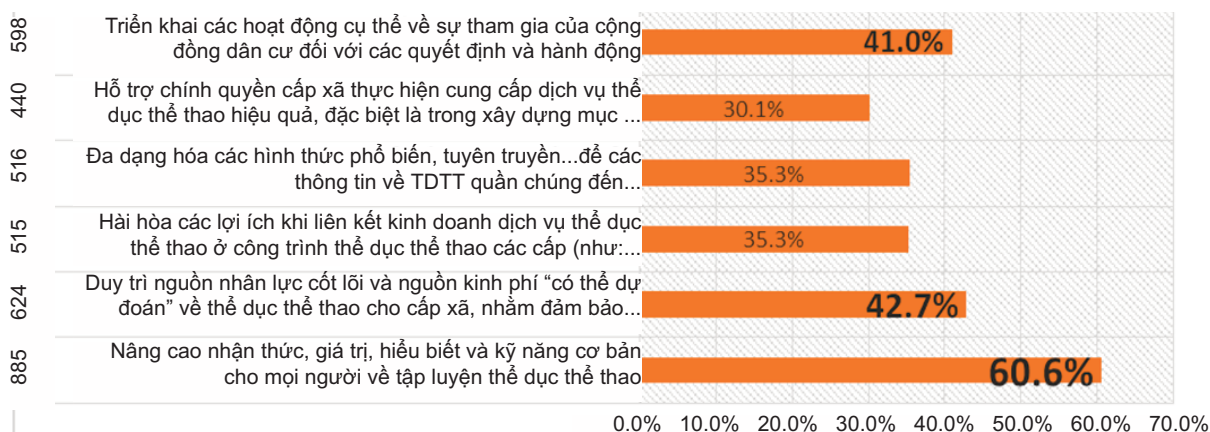
Qua biểu đồ 14 cho thấy: 60.6% cho rằng cần

Bảng 3. Thống kê số lượng công trình thể thao năm 2018

Công trình TDTT		2018		
		m _i	Tổng	Tỷ lệ %
Số nhà tập luyện thi đấu thể thao	Đa năng	1.552	10.119	8.40
	Đơn môn	8.567		
Bể bơi	50m	333	3.932	3.30
	25m	1.240		
	Khác	2.359		
Sân vận động	Có khán đài	420	5.356	4.40
	Không có khán đài	4.936		
Sân tập	Bóng đá mini	14.467	101.127	83.90
	Bóng chuyền	35.310		
	Bóng rổ	2.255		
	Cầu lông	27.981		
	Quần vợt	5.040		
	Sân đơn giản khác	16.074		
Tổng số:			120.534	100



Biểu đồ 13. Ảnh hưởng khách quan chi phối đến việc tham gia các hoạt động TDTT của người dân



Biểu đồ 14. Mong muốn của người dân để dịch vụ TDTT quần chúng đáp ứng nhu cầu xã hội

nâng cao nhận thức, giá trị, hiểu biết và kỹ năng cơ bản cho mọi người về tập luyện TDTT. 42.7% cho rằng cần duy trì nguồn nhân lực cốt lõi và nguồn kinh phí "có thể dự đoán" về thể dục thể thao cho cấp xã, nhằm đảm bảo cho hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật và tổ chức sự kiện TDTT luôn trong trạng thái sẵn sàng phục vụ và thu hút mọi người tham gia tập luyện thể dục thể thao. 41.0% cho rằng cần triển khai các hoạt động cụ thể về sự tham gia của cộng đồng dân cư đối với các quyết định và hành động phát triển thể dục thể thao quần chúng, nhằm tăng cường sự tham gia tập luyện TDTT ở chính nơi họ đang sinh sống.

KẾT LUẬN

Tiêu dùng dịch vụ TDTT bị ảnh hưởng bởi các yếu tố như tuổi, thu nhập, giới tính, khu vực... song các yếu tố nhân khẩu học cần phân tích đánh giá gắn liền với hành vi của họ. Đồng thời, tiêu dùng dịch vụ TDTT cũng chịu ảnh hưởng của động lực từ phía gia đình, liên kết nhóm hay cộng đồng. Song khó tập trung phân tích đánh giá hành vi của người tập. Kết quả xem xét hành vi cho thấy nhu cầu tham gia tập luyện TDTT của người dân là hữu hình và rất

lớn. Tuy nhiên, các yếu tố ngoại cảnh, thực trạng cơ sở kinh doanh dịch vụ TDTT, công trình TDTT còn hạn chế và chưa tác động tích cực đến việc tiêu dùng dịch vụ TDTT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Văn Ân, Hoàng Thu Hà (2007), *Phát triển khu vực dịch vụ*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
2. Lương Kim Chung, Dương Nghiệp Chí, Tạ Xuân Lai (2003), *Kinh tế học TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội.
3. Lưu Quang Hiệp và cộng sự (2015), Báo cáo tổng hợp đề tài: "Giải pháp phát triển kinh tế TDTT Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế", *Đề tài cấp Nhà nước*, Mã số KX.01.05/11-15, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.
4. Ngô Thắng Lợi (2011), *Hoạch định phát triển kinh tế - xã hội*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Trần Quang Nam và Ngô Trang Hưng (2016), *"Động lực phát triển dịch vụ TDTT dưới góc độ quản lý kinh tế"*, *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia – Động lực phát triển kinh tế Việt Nam, giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến 2035*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân.